1. Cấu trúc hệ điều hành Android gồm các tầng:

A Tầng lõi ARM Linux, tầng thư viện, tầng máy ảo Android.

B Tầng lõi ARM Linux, tầng thư viện, tầng máy ảo Andorid, tầng khung ứng dụng Android, tầng ứng dụng lõi Android.

C Tầng lõi ARM Linux, tầng thư viện, tầng khung ứng dụng Android

D Tầng lõi ARM Linux, tầng thư viện, tầng ứng dụng lõi Android

2. Để Costum lại ListView theo ý của mình. Công việc quan trọng cần làm là:

A Thiết kế thêm Layout phụ cho mỗi hàng

B Xây dựng lại Adapter

C Tất cả đều đúng

3. Thư mục chứa các tập tin hình ảnh hoặc chứa các tài nguyên XML có thể được phiên dịch thành các tài nguyên hình ảnh

A /anim

B /color

C /drawable

D /layout

4. Những trạng thái hoạt động nào có thể trải qua trong một vòng đời của một Activity

A Resumed, Paused, Running

B Resumed, Paused, Stopped

C Resumed, Paused, Destroyed

D Running, Paused, Destroyed

5. Nhược điểm nào sau đây của thiết bị cầm tay:

A Khả năng xử lý giới hạn, công nghệ và nền tảng khác nhau

B Nguồn năng lượng, kích thước và màu sắc màn hình hạn chế

C Bàn phím nhỏ, cách thức nhập liệu khác biệt

D Tất cả các ý trên đều đúng

6.Để hiển thị một trang web lên một WebView có tên mybrowser, bạn có thể sử dụng đoạn mã sau đây

A mybrowser.loadweb(“http://developer.android.com”);

B mybrowser.showweb(“http://developer.android.com”);

C mybrowser.loadUrl(“http://developer.android.com”);

D Tất cả đều sai

7. Menu này Là một danh sách động của các mục trình đơn xuất hiện khi người sử dụng chạm vào và giữ một View đã được đăng ký để cung cấp một trình đơn ngữ cảnh

A Options menu

B Context menu

C Submenuu

D Tất cả đều đúng

8. Thuộc tính AutoCompleteTextView xác định số lượng tối thiểu số lượng đặc tính mà người dùng phải nhập vào trước khi lọc danh sách bắt đầu

A android:completionThreshold

B android:completionThresh

C android:completion

D Tất cả đều sai

9. Intent ẩn, Với loại Intent này tên của Application Componnet đích không được chỉ định, chúng ta cần thiết lập thông tin về hành động (Action), Dữ liệu (Data hay extra) hay phân loại (category)

A Explitcit Intent

B Implicit Intent

C Intent Filter

D Tất cả đều sai

10. Các loại thành phần ứng dụng của Project Android gồm

A Activities, Services

B Services, Content Provider

C Content Provider, Broadcast Receivers

D Tất cả đều đúng

11. Để truyền dữ liệu từ Activity này sang Activity khác, ta sử dụng

A Intent

B Intent Filter

C Intent và Bundle

D Cusor

12. Action nào sau đây có nhiệm vụ mở 1 Phone Dialer và ngay lập tức thực hiện cuộc gọi dựa vào thông tin trong data URI

A ACTION\_DIAL

B ACTION\_CALL

C ACTION\_SEND

D ACTION\_SENDTO

13. Là Menu được hiển thị khi người dùng chọn một mục đã lồng. Thích hợp nhất là nó khi ứng dụng của bạn mà bao gồm nhiều chức năng có thể được hiển thị trong một bố cục phân cấp

A Options menu

B Context menu

C Submenus

D Tất cả đều sai

14. Đơn vị nào sau đây không được dùng để đo kích thước giao diện trong ứng dụng Android

A dp

B sp

C pt

D cm

15. Trong những Phiên bản Android sau, phiên bản nào mới nhất:

A KitKat

B 6.0 Marshmallow

C Ice Cream Sandwich

D Lollipop

16. Layout tổ chức và sắp xếp các đối tượng đặt liên tiếp nhau theo hàng ngang hoặc hàng dọc

A LinearLayout

B TableLayout

C FrameLayout

D RelativeLayout

17. Những đối tượng nào sau đây được kế thừa từ lớp View

A Button, CheckBox, Gallery

B FrameLayout, LinearLayout, ScrollView

C Button, CheckBox, RadioButton

D TextView, ImageButton, TableLayout

18. Muốn cập nhật dữ liệu cho ListView, ta phải:

A Cập nhật dữ liệu cho Data Source

B Gọi đến phương thức Myadapter. notifyDataSetChanged()

C Tất đều đúng

19. Để truy xuất tất cả dữ liệu trong Cursor, ta thường sử dụng cấu trúc

A while(){}

B switch-case

C for

D if else

20. Là trạng thái “chạy” của Activity. Khi Activity chuyển sang trạng thái này, giao diện của nó sẽ hiển thị trên màn hình và dành được Focus

A Paused

B Resumed

C Stopped

D Tất cả đều sai

21. Layout tổ chức và sắp xếp các đối tượng theo vị trí tương đối với nhau

A LinearLayou

B TableLayout

C FrameLayout

D RelativeLayout

22. Thuộc tính nào sau đây dùng để thay đổi độ rộng của một đối tượng

A Android:layout\_height

B Android:layout\_width

C Android:layout\_gravity

D Android:layout\_margin

23. Thuộc tính nào sau đây dùng để thay đổi canh lề (Trái, phải, giữa…) của một đối tượng

A Android:layout\_width

B Android:layout\_heigh

C Android:layout\_gravity

D Android:layout\_margin

24. Để viết sự kiện khi ta nhấn vào Button btnclick thì ta gọi phương thức

A btnclick.setOnClickListener()

B btnclick.setOnCreateContextMenuListener()

C btnclick.setOnDragListener()

D btnclick.setOnFocusChangeListener()

25. Thư mục chứa các file XML định nghĩa trong dự án

A /anim

B /color

C /layout

D /menu

26. Layout đơn giản nhất, có thể chứa nhiều View và các đối tượng View này có thể được sắp chồng lên nhau

A FrameLayout

B LinearLayout

C TableLayout

D RelativeLayout

27. Xét về góc độ ưu điểm của một phần mềm mã nguồn mở, Android đạt được tiêu chuẩn:

A An ninh

B Tính tùy biến

C Chất lượng và chi phí

D Cả 3 ý đều đúng

28. Để gọi từ Activity này sang một Activity khác, ta sử dụng

A Intent Filter

B Intent

C Bundle

D Cusor

29. Ưu điểm của Android đối với người phát triển ứng dụng là gì?

A Android là công nghệ mở

B Android miễn phí cho sử dụng thương mại

C Phát triển và quảng bá ứng dụng Android dễ dàng

D Cả 3 ý trên

30. Để hiển thị dữ liệu lên ListView, Spinner ..., ta phải sử dụng một bộ chuyển đổi dữ liệu cho phù hợp trước khi nạp vào các đối tượng đó, ta gọi nó là:

A Cursor

B ContentValue

C Adapter

D Bundle

31. Lệnh update (String table, ContentValues values, String whereClause, String[] whereArgs)

Sẽ trả về giá trị

A True hoặc False

B -1 hoặc 1

C Số bản ghi được cập nhật

D Tất cả đều sai

32. Quy định không gian giữa các biên của “ô” chứa widget và nội dung của chính widget đó là thuộc tính

A Padding

B Marging

C . Gravity

D . Layout\_Gravity

33. Lệnh này có nghĩa là gì? delete (String table, null, null)

A Xóa tất cả bản ghi có trường rỗng

B Xóa tất cả các table trong CSDL

C Xóa tất cả bản ghi trong Table

D Tất cả đều sai

34. Những đối tượng nào sau đây được kế thừa từ lớp ViewGroup

A Button, CheckBox, Gallery

B Button, CheckBox, RadioButton

C FrameLayout, LinearLayout, ScrollView

D TextView, ImageButton, TableLayout

35. Intent công khai. Với loại Intent này tên của Application Componnet đích phải được chỉ định và nêu rõ tên

A Explicit Intent

B . Implicit Intent

C Intent Filter

D Tất cả đều sai

36. Tự động lọc các loại văn bản, được xử lý như một bộ lọc tiền tố, so sánh văn bản nhập với văn bản trong một danh sách cho trước, đó là chức năng của Control

A . ListView

B DatePicker

C GridView

D AutoCompleteTextView

37. Action nào sau đây có nhiệm vụ mở 1 Phone Dialer và ngay lập tức thực hiện cuộc gọi dựa vào thông tin trong data URI

A ACTION\_DIAL

B ACTION\_CALL

C ACTION\_SEND

D ACTION\_SENDTO

38. Để viết sự kiện khi chọn vào một Item trong Spinner có tên spdanhsach, ta sử dụng phương thức

A spdanhsach.setItemChecked()

B spdanhsach.setOnItemSelectedListener()

C spdanhsach.setOnItemClickListener

D spdanhsach.setOnClickListener()

39. Để hiển thị các thông tin dưới dạng Danh sách, ta sử dụng Control nào sao đây

A Label

B TextView

C Button

D ListView

40. Menu này là collection chính của các mục trình đơn cho một hoạt động, nó xuất hiện khi người dùng nhấn nút MENU trên môi trường trên giả lập (emulator) hoặc thiết bị

A Options menu

B Context menu

C Submenus

D Tất cả đều sai

41. Để viết sự kiện khi click vào một Item trong Listview có tên lvdanhsach, ta sử dụng phương thức:

A lvdanhsach.setItemChecked()

B lvdanhsach.setItemsCanFocus()

C lvdanhsach.setOnItemClickListener()

D lvdanhsach.setOnClickListener()

42. Viết lệnh Java dùng để khai báo và gán id cho cho một đối tượng Button có tên là btnclick và có id là btn1

A Button btnclick = (Button) findViewById(R.id. btn1);

B Button btnclick = findViewById(R.id.btn1);

C btnclick = (Button) findViewById(R.id.btn1);

D btnclick = findViewById(R.id.btn1);

43. Tập tin AndroidManifest chứa những thông tin gì

A Quyền hạn của ứng dụng, khai báo các API mà ứng dụng sử dụng

B Quyền hạn của ứng dụng, khai báo những tính năng phần cứng mà ứng dụng có sử dụng

C Danh sách các Application Componnent

D Tất cả các yếu tố trên

44. Khi Activity ở trạng thái này, giao diện của nó bị Activity khác che khuất hoàn toàn

A Resumed

B Paused

C Stopped

D Tất cả đều sai

45. Thiết kế lại ListView có thể hiển thị nhiều đối tượng như hình ảnh, Text... trên cùng một dòng. Ta phải thiết kế lại ListView cho phù hợp. Công việc này ta gọi là:

A Costum ListView

B . Design ListView

C Creat ListView

D Adapter ListView

46. Khi một Activity đang chạy mà một Activity khác được khởi động thì Activity cũ sẽ chuyển sang trạng thái này. Ở trạng thái này, Activity sẽ bị che khuất một phần mà mất Focus

A . Resumed

B . Paused

C Stopped

D Running

47. Thành phần ứng dụng dùng để lắng nghe các thông điệp được gởi đi từ hệ thống và nhận các thông điệp này đề có những ứng xử thichs hợp

A Activities

B Services

C Content Provider

D Broadcast Receivers

48.Layout sử dụng cho màn hình chính của TabSeclector là gì?

A LinearLayout

B FrameLayout

C TableLayout

D RelativeLayout

49. Một dạng đối tượng được sử dụng để update hoặc Insert dòng mới vào các Table trong cơ sở dữ liệu với SQLite, mỗi đối tượng này đại diện cho một dòng trong Table

A Contentvalue

B Cursor

C Bundle

D Tất cả đều sai

50. Thành phần ứng dụng này không có giao diện mà chỉ chạy nền để thực hiện một công việc liên tục, kéo dài.

A . Activities

B Services

C Content Provider

D Broadcast Receivers

51. Khi thực hiên truy vấn cơ sở dữ liệu với SQLite sẽ trả về các đối tượng này, nó sẽ chỉ trực tiếp đến đối tượng tượng kết quả trong CSDL

A Contentvalue

B Bundle

C Cursor

D Tất cả đều sai